

Số: **81** /2018/QĐST-DS

Tuyên Quang, ngày 30 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 49/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

* *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị B, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1980

Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1982

Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh T.

Địa chỉ: Phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hạ T – Chức vụ Giám đốc

2. Chị La Thị Huyền T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

3. Chị Nguyễn Thị Trào, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1. Tài sản chung của ông Nguyễn Văn Đ và bà Bùi Thị B là thửa đất số 62, tờ bản đồ số 68 địa chỉ thửa đất thôn Đ, xã L diện tích là 5611,9m² đất trồng cây lâu năm, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 380397 số vào sổ cấp GCNQSD đất CH 001008 do UBND thành phố Tuyên Quang cấp ngày 28/6/2013

mang tên hộ bà Bùi Thị B và ông Nguyễn Văn Đ, trên đất có 01 ngôi nhà xây 01 tầng bằng gạch chỉ 220, mái bê tông cốt thép xây năm 2007 và 01 bếp xây gạch chỉ lợp mái Proximang xây năm 2008 cùng 01 nhà tắm.

Năm 2017 UBND tỉnh Tuyên Quang đã có quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 thu hồi của ông Nguyễn Văn Đ và bà Bùi Thị B diện tích 1338,6m² đất trồng cây lâu năm. Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Tuyên Quang đã thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng xong cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Bùi Thị B theo quy định.

Phần đất còn lại 4273,3m² đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 68 địa chỉ thửa đất thôn Đ, xã L nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 380397 số vào sổ cấp GCNQSD đất CH 001008 do UBND thành phố Tuyên Quang cấp ngày 28/6/2013 mang tên hộ bà Bùi Thị B và ông Nguyễn Văn Đ, trên đất có 01 ngôi nhà xây 01 tầng bằng gạch chỉ 220, mái bê tông cốt thép xây năm 2007 và 01 bếp xây gạch chỉ lợp mái Proximang xây năm 2008 cùng 01 nhà tắm là tài sản chung của ông Nguyễn Văn Đ và bà Bùi Thị B, bà Bùi Thị B được hưởng tài sản chung $\frac{1}{2}$ diện tích là 2.136,65m² đất trồng cây lâu năm và tài sản trên đất 01 ngôi nhà xây 01 tầng bằng gạch chỉ 220, mái bê tông cốt thép xây năm 2007 và 01 bếp xây gạch chỉ lợp mái Proximang xây năm 2008 cùng 01 nhà tắm.

Di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ là 2.136,65m² đất trồng cây lâu năm nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 380397 số vào sổ cấp GCNQSD đất CH 001008 do UBND thành phố Tuyên Quang cấp ngày 28/6/2013 mang tên hộ bà Bùi Thị B và ông Nguyễn Văn Đ được chia cho 04 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Đ là: Bà Bùi Thị B, anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Mạnh C, anh Nguyễn Mạnh H.

2. Bà Bùi Thị B được quyền sử dụng tài sản chung và hưởng di sản thừa kế do ông Nguyễn Văn Đ để lại là diện tích 2.719,2m² đất trồng cây lâu năm nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 380397 số vào sổ cấp GCNQSD đất CH 001008 do UBND thành phố Tuyên Quang cấp ngày 28/6/2013 mang tên hộ bà Bùi Thị B và ông Nguyễn Văn Đ đối với thửa đất số 62, tờ bản đồ số 68 địa chỉ thửa đất thôn Đ, xã L, thành phố Tuyên Quang có giá trị 81.576.000đ thể hiện tại thửa đất số 1 có diện tích 1667,1m² được giới hạn bởi các điểm 8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21,22,23,24,25,26,27,28,29,8 và thửa số 5 có diện tích 1.052,1m² được giới hạn bởi các điểm 39,40,41,42,43,44,45,46,47,39 trong sơ đồ phân chia tài sản chung và di sản thừa kế (Có sơ đồ phân chia kèm theo). Bà Bằng được sử dụng toàn bộ tài sản trên thửa đất số 1 là nhà xây 01 tầng bằng gạch chỉ 220, mái bê tông cốt thép xây năm 2007 và 01 bếp xây gạch chỉ lợp mái Proximang xây cùng 01 nhà tắm có giá trị 10.000.000đ

Anh Nguyễn Văn C được quyền hưởng di sản thừa kế là quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn Đ để lại là diện tích 318m² đất trồng cây lâu năm nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 380397 số vào sổ cấp GCNQSD đất CH 001008 do UBND thành phố Tuyên Quang cấp ngày 28/6/2013 mang tên hộ bà Bùi Thị B và ông Nguyễn Văn Đ đối với thửa đất số 62, tờ bản đồ số 68 địa chỉ thửa đất thôn Đ, xã L, thành phố T có giá trị 9.540.000đ, thể hiện tại thửa số 4 được giới hạn bởi các điểm 37,38,39,47,48,37 trong sơ đồ phân chia tài sản chung và di sản thừa kế (Có sơ đồ phân chia kèm theo).

Anh Nguyễn Mạnh C được quyền hưởng di sản thừa kế là quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn Để lại là diện tích 582,9m² đất trồng cây lâu năm nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 380397 số vào sổ cấp GCNQSD đất CH 001008 do UBND thành phố Tuyên Quang cấp ngày 28/6/2013 mang tên hộ bà Bùi Thị B và ông Nguyễn Văn Đ đối với thửa đất số 62, tờ bản đồ số 68 địa chỉ thửa đất thôn Đồng Lem, xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang có giá trị 17.487.000đ, thể hiện tại thửa số 2 được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,29,28,30,1 trong sơ đồ phân chia tài sản chung và di sản thừa kế (Có sơ đồ phân chia kèm theo)

Anh Nguyễn Mạnh H được quyền hưởng di sản thừa kế là quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn Để lại là diện tích 653,2m² đất trồng cây lâu năm nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 380397 số vào sổ cấp GCNQSD đất CH 001008 do UBND thành phố Tuyên Quang cấp ngày 28/6/2013 mang tên hộ bà Bùi Thị B và ông Nguyễn Văn Đ đối với thửa đất số 62, tờ bản đồ số 68 địa chỉ thửa đất thôn Đ, xã L, thành phố T có giá trị 19.596.000đ, thể hiện tại thửa số 3 được giới hạn bởi các điểm 31,32,33,34,35,36,37,48,49,31 trong sơ đồ phân chia tài sản chung và di sản thừa kế (Có sơ đồ phân chia kèm theo)

3. Về án phí: Bà Bùi Thị B phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần tài sản được chia là: 2.289.400đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N⁰ 0005222 ngày 06/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, bà Bùi Thị B còn phải nộp số tiền 1.039.400đ (*Một triệu không trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm đồng*).

Anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần tài sản được chia là: 238.500đồng.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tài sản được chia là 437.000đ cho anh Nguyễn Mạnh C.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tài sản được chia là 489.900đ đồng cho anh Nguyễn Mạnh H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- Chi cục THADS thành phố TQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ TA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Ngọc Hà

